

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HS-ST

Ngày : 15 – 6 – 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba**

Ông **Nguyễn Trung Du**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Dũng** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 25/6/1995, tại xã L, tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: ấp Phước Lý Nhì, xã Quới Thiện, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị L; Anh chị em ruột có 04 người (kể cả bị cáo) lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/8/2023, bị Công an huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4030 đối với Nguyễn Tấn T về hành vi gây rối trật tự công cộng, phạt tiền 4.000.000đ (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2026 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Trung Thành. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Anh **Trần Long H**, sinh năm: 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà **Lê Thị B**, sinh năm: 1947 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà **Bùi Thị Thanh H** – sinh năm: 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp 3, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Anh **Nguyễn Bùi Hng K** – sinh năm: 1999 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã Htỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

1. Chị **Lê Thị Châu S**, sinh năm: 2001 (vắng mặt).
2. Ông **Lê Văn N**, sinh năm: 1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
Cùng nơi cư trú: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.
3. Anh **Trương Tấn T**, sinh năm: 1996 (vắng mặt).
Nơi cư trú: khu phố 1, phường B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Long H và Lê Thị Châu S đã làm lễ đính hôn với nhau vào ngày 08/12/2024 (chưa đăng ký kết hôn), nhưng đến khoảng tháng 5/2025 thì chia tay. Sau đó, Lê Thị Châu S quen biết và có tình cảm yêu đương với bị cáo.

Vào ngày 16/10/2025, Trần Long H đi đến nhà ông Lê Văn N, sinh năm 1978, nơi thường trú: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, là cậu ruột của Châu S dự tiệc sinh nhật con ông N. Trong lúc dự tiệc, H có uống bia, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ và ngồi nói chuyện cùng Châu S. Trong lúc H cầm điện thoại của Châu S để xóa các tin nhắn trước đây thì T gọi đến, H bắt máy và nói chuyện qua lại với nhau. Sau đó, H đi vào phòng ngủ của Châu S thuộc ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long. Lúc này, T (đã có uống rượu) thấy H sử dụng điện thoại của Châu S nên bức tức, ghen tuông. Vào khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Thành đi đến gặp H để nói chuyện thì xảy ra cự cãi qua lại với nhau. Do tức giận nên Thành đã dùng 01 (một) cây kéo dài 22,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 13 cm, sắc nhọn đâm vào vùng ngực phải của H gây thương tích, sau đó bỏ trốn. Đến ngày 26/3/2026 khi biết bị truy nã T đã đến Công an xã Quới Thiện đầu thú. Hậu quả: Trần Long H bị thương tích được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy, đến ngày 21/10/2025 thì xuất viện về nhà.

Ngày 26/12/2025, Trần Long H có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Nguyễn Tấn T.

Theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống 383/KLTTCT-TTPY ngày 26/11/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Vĩnh Long, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Vết thương 1/3 trên đường trung đòn giữa thành ngực (P) # 1x3 cm do vật sắc nhọn gây ra gãy xương sườn số 6 bên (P), tràn khí + tràn dịch màng phổi (P) được điều trị, hiện tại:

+ Sẹo vết thương 1/3 trên đường trung đòn giữa thành ngực (P) kích thước 2x0,1 cm. Tỷ lệ: 01%.

+ Gãy xương sườn số 6 bên (P). Tỷ lệ: 02%.

+ Tổn thương màng phổi (P) không để lại di chứng. Tỷ lệ: 03%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Long H tại thời điểm giám định là: 06% (sáu phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tổn thương do vật sắc nhọn gây ra.

- Tổn thương không để lại di chứng cố tật (bút lục số 73 - 74).

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 34/KLTTCT-PVPYQG ngày 04/02/2026 của Phân Viện pháp y tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo kích thước nhỏ vùng đường nách sau bên phải.
- Gãy cung bên xương sườn VI phải, can tốt.
- Tổn thương màng phổi phải đã điều trị, hiện dày dính màng phổi phải vùng bên, gần nơi gãy xương sườn.

2. Kết luận:

2.1 Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Long H tại thời điểm giám định là: 09% (chín phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2 Kết luận khác:

- Thương tích trên của Trần Long H là do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên.

- Có để lại di chứng, cố tật về sau không?

Hiện nay giám định thương tích được thực hiện theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, về nguyên tắc chỉ cần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định (bút lục số 132 - 133).

Theo Kết luận giám định số 458/KL-KTHS-KV1 ngày 27/11/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, kết luận: 01 (một) cây kéo có chiều dài 22,5 cm, tay cầm (cán kéo) bằng kim loại dài 9,5 cm, bên ngoài tay cầm bọc nhựa màu đen; lưỡi kéo bằng kim loại dài 13 cm, kéo có hai lưỡi, mỗi lưỡi có một cạnh sắc, rộng nhất của lưỡi kéo 3,3 cm, mũi kéo nhọn không thuộc danh mục Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (bút lục số 79).

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng: Còn đang tạm giữ 01 (một) cây kéo có chiều dài 22,5 cm, tay cầm (cán kéo) bằng kim loại dài 9,5 cm, bên ngoài tay cầm bọc nhựa màu đen; lưỡi kéo bằng kim loại dài 13 cm, kéo có hai lưỡi, mỗi lưỡi có một cạnh sắc, rộng nhất của lưỡi kéo 3,3 cm là của bà Lê Thị Bé, sinh năm 1947 ngụ ấp Phước Bình, xã Quới Thiện, tỉnh Vĩnh Long, bà Bé không có yêu cầu nhận lại (bút lục số 2).

Trách nhiệm dân sự: Trần Long H yêu cầu Nguyễn Tấn T bồi thường tiền chi phí điều trị; chi phí thuê xe đi cấp cứu, xe đi tái khám; chi phí ăn uống, thuê người nuôi bệnh; tiền mất thu nhập; tổn thất tinh thần, tổng cộng là 194.734.000 đồng, Thành chỉ đồng ý bồi thường đối với tiền chi phí điều trị; chi phí thuê xe đi cấp cứu, xe đi tái khám; các khoản khác đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Đến nay T chưa bồi thường cho H (bút lục số 178, 182 - 183).

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKSKV4 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn T đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cây kéo có chiều dài 22,5 cm, tay cầm (cán kéo) bằng kim loại dài 9,5 cm, bên ngoài tay cầm bọc nhựa màu đen; lưỡi kéo bằng kim loại dài 13 cm, kéo có hai lưỡi, mỗi lưỡi có một cạnh sắc, rộng nhất của lưỡi kéo 3,3 cm, mũi kéo nhọn.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, 586, 588, Điều 590 Bộ luật Dân sự: Đối với tiền chi phí điều trị; chi phí thuê xe đi cấp cứu, xe đi tái khám, tổng cộng là: 11.235.714đ, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, nên đề nghị chấp nhận.

Đối với tiền ăn trong thời gian bị hại điều trị, tiền thuê người chăm sóc; tiền mất thu nhập của bị hại và tiền tổn thất tinh thần: đề nghị chấp nhận đối với yêu cầu tiền ăn của bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện (theo yêu cầu của bị hại) là 05 ngày $\times$ 200.000đ/ngày là 1.000.000đ, (không chấp nhận tiền ăn của người nuôi bệnh trong thời gian điều trị là 2.000.000đ). Chấp nhận yêu cầu đối với tiền thuê người chăm sóc là 2.500.000đ. Đối với tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị bệnh đề nghị buộc bị cáo bồi thường 10 ngày $\times$ 1.000.000đ/ngày là 10.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần là 06 tháng lương cơ bản: 06 tháng $\times$ 2.340.000đ là 14.040.000đ.

Tổng cộng, buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho bị hại anh H số tiền: 38.775.714đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

Bà Bùi Thị Thanh H yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập của bà H là người chăm sóc cho bị hại: 05 ngày $\times$ 300.000đ/ngày là 1.500.000đ. Bị cáo thống nhất nên đề nghị chấp nhận.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Tấn T nộp số tiền 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.013.785đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Tấn T: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Bị cáo Nguyễn Tấn T nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình để bị cáo sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại H sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/10/2025, tại ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long. Do có mâu thuẫn cự cãi nên bị cáo Thành đã dùng 01 (một) cây kéo dài 22,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 13 cm, sắc nhọn, là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng ngực phải của anh Trần Long H gây thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 09%.

Do đó cáo trạng số: 19/CT-VKSKV4 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long truy tố hành vi của bị cáo T và lời luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo đã có hành vi dùng cây kéo đâm vào vùng ngực của bị hại, gây thương tích cho bị hại 9%. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thương tích cho bị hại nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên xét xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan Hng của Nhà nước, giúp bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây kéo có chiều dài 22,5 cm, tay cầm (cán kéo) bằng kim loại dài 9,5 cm, bên ngoài tay cầm bọc nhựa màu đen; lưỡi kéo bằng kim loại dài 13 cm, kéo có hai lưỡi, mỗi lưỡi có một cạnh sắc, rộng nhất của lưỡi kéo 3,3 cm, mũi kéo nhọn.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Long H yêu cầu bị cáo T bồi thường tiền chi phí điều trị; chi phí thuê xe đi cấp cứu, xe đi tái khám; chi phí ăn uống, thuê người nuôi bệnh; tiền mất thu nhập; tổn thất tinh thần, tổng cộng là 194.734.000đồng nhưng tại phiên tòa bị hại anh H thay đổi một phần yêu cầu, anh H yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng cộng là 160.000.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại chi phí điều trị; chi phí thuê xe đi cấp cứu, xe đi tái khám, chi phí thuê người nuôi bệnh tổng cộng: 13.735.724đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

Đối với chi phí ăn uống là 3.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần tại phiên tòa bị hại thay đổi một phần yêu cầu, yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 60.000.000đ, tiền mất ngày công lao động là 78.000.000đ thì bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Xét đối với chi phí ăn uống anh H yêu cầu bị cáo T bồi thường là 3.000.000đ thì Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 NQ 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 quy định “*Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong H sơ bệnh án*” số ngày thể hiện trong H sơ bệnh án của bị hại là 06 ngày (ngày từ ngày 17/10/2025 đến ngày 21/10/2025 và ngày 28/10/2025) do đó Hội đồng xét xử chấp nhận 06 ngày chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại theo mức chi phí ăn uống hợp lý trong quá trình điều trị. Theo quy định thì lương tối thiểu vùng tại bệnh viện Chợ Rẫy vùng I (Nghị định 293/2025/NĐ-CP) là 5.310.000/tháng bằng 204.000đ/ngày do đó 06 ngày $\times$ 204.000đ = 1.224.000đ là phù hợp. Không chấp nhận tiền ăn của người nuôi bệnh trong thời gian điều trị là 1.776.000đ.

Tiền mất thu nhập anh H trình bày anh H làm nghề lắp ráp, sửa chữa bảo trì máy giặt, máy lạnh, tủ lạnh....do gãy xương sườn số 6 và tổn thương phổi nên bác sĩ không cho phép làm nặng và phải nghỉ 03 tháng, một ngày làm việc của anh H thu nhập 1.000.000đ $\times$ 03 tháng (trừ 12 ngày chủ nhật) là 78.000.000đ. Tại biên bản xác minh của Công an thì bà Trần Thị H phó trưởng ấp 3, xã T, tỉnh Đồng Tháp cung cấp anh H có đặt biển hiệu “Điện lạnh Long H” để lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện lạnh. Thực tế cửa hàng của anh H thường xuyên có đông khách, ước tính thu nhập của anh H từ 1.000.000đ trở lên trong một ngày làm việc nên căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 NQ 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 Hội đồng xét xử chấp nhận thời gian mất thu nhập của anh H từ ngày

17/10/2025 đến ngày 15/11/2025 là 30 ngày $\times$ 1.000.000đ = 30.000.000đ là phù hợp. Không chấp nhận tiền mất thu nhập của anh H là 48.000.000đ.

Tiền tổn thất tinh thần tại phiên tòa anh H yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho anh H là 60.000.000đ thì căn cứ vào khoản 2 Điều 590 xét thấy do có sự việc bị cáo T gây thương tích cho anh H có ảnh hưởng đến tinh thần của anh H do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh H với số tiền tổn thất tinh thần là 10 tháng lương cơ sở thành tiền 10 tháng $\times$ 2.340.000đ = 23.400.000đ là phù hợp. Không chấp nhận tiền tổn thất tinh thần của anh H là 36.600.000đ.

Bà H yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập của bà H là người chăm sóc cho bị hại: 05 ngày $\times$ 300.000đ/ngày là 1.500.000đ. Bị cáo thống nhất nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bà H.

Do đó buộc bị cáo T bồi thường cho anh H gồm: tiền chi phí điều trị là 7.235.724đ, chi phí thuê xe đi cấp cứu, xe đi tái khám là 4.000.000đ; chi phí thuê người nuôi bệnh là 2.500.000đ; chi phí ăn uống của bị hại là 1.224.000đ; tiền mất thu nhập là 30.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần là 23.400.000đ. Tổng cộng là 68.360.000đ. Buộc bị cáo T bồi thường tiền mất thu nhập của bà H là người chăm sóc cho anh H là 1.500.000đ.

[7] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với hình phạt là có căn cứ. Đối với phân trách nhiệm dân sự có căn cứ một phần.

[8] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.493.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 590 Bộ luật Dân sự; Điều 7 Nghị quyết: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T: 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/3/2026. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Tấn T.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cây kéo có chiều dài 22,5 cm, tay cầm (cán kéo) bằng kim loại dài 9,5 cm, bên ngoài tay cầm bọc nhựa màu đen; lưỡi kéo bằng kim loại dài 13 cm, kéo có hai lưỡi, mỗi lưỡi có một cạnh sắc, rộng nhất của lưỡi kéo 3,3 cm, mũi kéo nhọn.

(Vật chứng nêu trên hiện do Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long đang quản lý).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho bị hại anh Trần Long H các khoản gồm: tiền chi phí điều trị là 7.235.724đ (Bảy triệu hai trăm ba mươi lăm

ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng), chi phí thuê xe đi cấp cứu, xe đi tái khám là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); chi phí thuê người nuôi bệnh là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng); chi phí ăn uống là 1.224.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng); tiền mất thu nhập là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); tiền tổn thất tinh thần là 23.400.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Tổng cộng là 68.360.000đ (Sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường tiền mất thu nhập của bà Bùi Thị Thanh Hương là người chăm sóc cho anh Trần Long H là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.493.000đ (Ba triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng H sơ nghiệp vụ Cảnh sát - Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phân trại tạm giam Trung Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu.

Ngô Thị Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Du Nguyễn Văn Cơ Ba

Ngô Thị Quyên

